TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 24/6/2024.
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tùng Dương

2. Ông Tăng Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiêu Thanh Nhi -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 113/2024/TLST-HNGĐ ngày 26/3/2024 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/5/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Quách T; Sinh năm 1980; Địa chỉ: Số C, đường C, khóm E, phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Xuân Đ; Sinh năm 1982; Địa chỉ: Số D, ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện do ông Quách T lập ngày 18/3/2024 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa thì nguyên đơn ông Quách T trình bày như sau: Ông và bà Nguyễn Thị Xuân Đ kết hôn với nhau vào năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng kết hôn ngày 23/12/2002. Sau khi kết hôn lúc đầu vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng thường hay cãi nhau cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc như trước và vợ ông đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, do đó vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay.

Trong thời gian chung sống ông và bà Đ có 02 con chung: Quách Mếnl, sinh ngày 25/02/2004 và Quách H, sinh ngày 20/7/2005; Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà Đ không có tài sản chung và nợ chung.

Nay ông Quách T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Nguyễn Thị Xuân Đ; Về con chung: Hiện nay 02 đứa con chung đã thành niên, tự nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân Đ, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Xuân Đ nhưng bà Đ không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông Quách T và không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa theo triệu tập.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 18/3/2024, ông Quách T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Xuân Đ có nơi cư trú tại ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Thị Xuân Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Quách T:

[5] Về quan hệ hôn nhân: Ông Quách T và bà Nguyễn Thị Xuân Đ tự nguyện kết hôn với nhau, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng kết hôn ngày 23/12/2002 nên quan hệ

hôn nhân giữa ông Quách T và bà Nguyễn Thị Xuân Đ là hợp pháp. Nhưng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến, thường hay cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc cho nên đến đầu năm 2023 thì vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và ông Quách T làm đơn khởi kiện để xin ly hôn tại Tòa án. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên vợ chồng ông T, bà Đ đoàn tụ với nhau, tuy nhiên phía bà Đ vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Như vậy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông Quách T và bà Nguyễn Thị Xuân Đ đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc ông T xin ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về con chung: Trong thời gian sống chung ông Quách T và bà Nguyễn Thị Xuân Đ có có 02 con chung: Quách Mếnl, sinh ngày 25/02/2004 và Quách H, sinh ngày 20/7/2005 và hiện nay họ đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân và các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Quách T chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Xuân Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[12] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Quách T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Xuân Đ.

- Về con chung: Ông Quách T và bà Nguyễn Thị Xuân Đ có 02 con chung: Quách Mếnl, sinh ngày 25/02/2004 và Quách H, sinh ngày 20/7/2005 và hiện nay họ đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân và các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Quách T chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004114, ngày 01/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, ông Quách T đã thực hiện xong. Bà Nguyễn Thị Xuân Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho bị đơn.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV &THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã Đại Ân 2;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các bên đương sự;
- Lưu (HSVA & TA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lý Công Minh